

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ tư, ngày 18 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/9/2019		•	
Tuần 16/9-20/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, trước sự điều chỉnh của các cổ phiếu ngành Dầu khí như GAS và PLX, VN-Index giao dịch giằng co quanh mốc tham chiếu. Đến phiên chiều, đà giảm của chỉ số được nới rộng khi các mã bluechips như GAS, VIC, VCB chịu áp lực bán gia tăng. Thị trường có phiên điều chỉnh nhẹ theo xu hướng chung trong khu vực. Mặc dù vẫn giữ được mốc 995 điểm, nhịp rung lắc xuất hiện nhiều mỗi khi chỉ số tiệm cận ngưỡng 1,000 điểm cho thấy nhà đầu tư vẫn khá thận trọng quanh khu vực này. Nhìn chung, **quyết định về lãi suất của Fed trong rạng sáng mai sẽ là yếu tố chính tác động đến thị trường và phần nào nâng đỡ tâm lý nhà đầu tư.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. MBB có phiên tăng giá kiểm tra ngưỡng 22. Thanh khoản tiếp tục tăng tích cực trên mức trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu xây dựng_0.8%. 7/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **9/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.2%). Đặc biệt, Danh mục Vật liệu Xây dựng - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

Phân tích kỹ thuật: VEA_Xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.59 điểm**, đóng cửa 995.15. HNX-Index **+0.06 điểm**, đóng cửa 102.29.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.63); MSN (+0.49); VPB (+0.37); HPG (+0.25); HVN (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.59); VIC (-0.59); VCB (-0.55); PLX (-0.42); FPT (-0.24).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,149.47 tỷ đồng**, **+2.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.46 điểm. Thị trường có 149 mã tăng và 159 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **52.17 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (82.90 tỷ), VNM (43.17 tỷ) và BID (37.49 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.19 tỷ đồng**.

VN-INDEX **995.15**Giá trị: 3149.47 tỷ **-1.59 (-0.16%)**

Khối ngoại (ròng): 52.17 tỷ

HNX-INDEX **102.29**Giá trị: 243.95 tỷ **0.06 (0.06%)**

Khối ngoại (ròng): -3.19 tỷ

UPCOM-INDEX **56.41**Giá trị: 488.17 tỷ **0 (0%)**

Khối ngoại (ròng): -13.13 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.9	-0.79%
Giá vàng	1,502	0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,211	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,711	0.56%
Tỷ giá JPY/VND	21,448	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	3.1%	4.67%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-3.31%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	52.5	VNM	30.1
VJC	11.0	VRE	29.1
BID	7.8	SSI	25.8
PC1	6.3	MSN	15.1
TNA	5.7	HDB	5.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*7/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **9/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.2%). Đặc biệt, Danh mục Vật liệu Xây dựng - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **11/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.8%	2.0%	1.1%	3.8%	3.1%	5.6%	6.5%
Dầu khí	0.6%	5.5%	1.4%	-1.2%	2.2%	-6.2%	17.3%
Hàng tiêu dùng	0.4%	3.1%	1.1%	9.7%	9.4%	6.2%	69.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	3.1%	1.2%	5.5%	3.0%	3.1%	72.5%
Ngân hàng	0.3%	4.1%	4.4%	10.8%	3.7%	1.4%	84.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.2%	1.6%	0.1%	0.2%	-4.2%	-7.3%	-5.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	2.7%	1.6%	3.4%	-0.7%	3.3%	84.8%
Xây dựng	-0.1%	2.0%	1.6%	0.4%	-8.8%	-11.9%	24.7%
Nước & Năng lượng	-0.1%	1.5%	0.1%	-2.7%	1.1%	8.1%	62.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	3.9%	0.9%	11.1%	8.1%	2.6%	80.2%
Chiến tranh thương mại	-0.3%	0.0%	-4.6%	-4.5%	-4.5%	1.8%	8.7%
BDS & Khu công nghiệp	-0.4%	2.8%	1.6%	6.7%	3.6%	4.6%	68.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	2.7%	-7.0%	-8.4%	-12.3%	-19.9%	41.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	0.7%	-4.0%	-3.5%	0.9%	9.6%	49.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 15	0.7%	3.6%	0.6%	8.8%	4.0%	1.8%	71.2%
Danh mục 17	0.6%	2.4%	-2.7%	0.4%	-3.7%	8.9%	131.9%
Danh mục 7	0.5%	2.6%	0.6%	3.7%	-0.6%	-0.2%	51.9%
Danh mục 8	-0.7%	2.1%	1.8%	8.1%	13.0%	11.0%	68.5%
Danh mục 6	-0.9%	2.7%	1.3%	10.8%	12.6%	15.3%	102.0%
* Note	11/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro		Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.					
Danh mục 23	0.6%	2.7%	-2.2%	1.7%	-3.4%	6.8%	112.4%
Danh mục 21	0.3%	4.1%	4.3%	9.7%	9.7%	1.8%	48.7%
Danh mục 20	0.3%	2.3%	1.3%	2.9%	-0.1%	6.4%	25.3%
Danh mục 22	-0.5%	5.0%	7.1%	16.7%	14.3%	6.0%	86.1%
Danh mục 24	-0.9%	3.2%	2.9%	9.3%	9.0%	4.2%	75.5%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.2%	2.7%	1.4%	3.8%	0.7%	0.2%	52.8%
VN30INDEX	0.1%	3.2%	2.4%	6.9%	0.6%	-4.2%	42.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

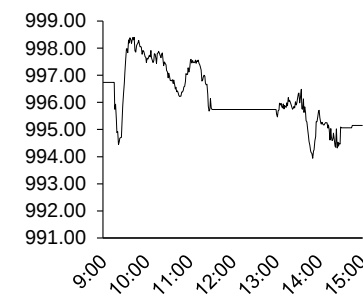
BSC RESEARCH

9/18/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

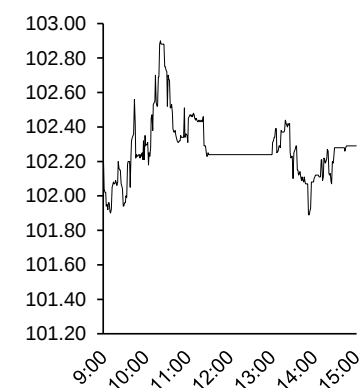
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-1.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.8%
Công nghệ Thông tin	-1.7%
Bán lẻ	-1.0%
Dịch vụ tài chính	-0.5%
Y tế	-0.5%
Ngân hàng	-0.4%
Bất động sản	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Ô tô và phụ tùng	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Bảo hiểm	0.3%
Du lịch và Giải trí	0.5%
Thực phẩm và đồ uống	0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%
Hóa chất	0.9%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Viễn thông	2.0%
Truyền thông	4.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VEA_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu VEA đã xác lập mô hình 2 đáy trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu đồng thuận với bước giá và đã vượt lên mức trung bình 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku và hình thành xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, VEA sẽ hồi phục trở về vùng giá 60-62 trong các phiên giao dịch tới



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch 2019: Công ty mẹ đặt DT đạt 2,398 tỷ đồng (-18% yoy), LNST đạt 6,402 tỷ đồng (+22.5% yoy). Thu nhập tài chính dự kiến 7,243 tỷ đồng (+5.7% yoy) trong đó lãi tiền gửi 598 tỷ đồng (+45% yoy). Cổ tức 2018: VEA dự kiến trả cổ tức 3,884 đồng, so với giá cổ phiếu ngày 30/5/2019, dividend yield tương đương 7.46%...

Cập nhật KQKD

_KQKD Quý 1/2019 : DT đạt 1,126.2 tỷ đồng (-35% yoy) và LNST đạt 1,271 tỷ đồng (+22% yoy) Trong đó, lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết đạt 1,209 tỷ đồng (-14.2% yoy) đến chủ yếu từ Honda, Toyota và Ford Việt Nam đóng góp •Honda: DT và LNST đạt 23,000 tỷ đồng (+17.8 %yoy) và 3,104 tỷ đồng (+4.3% yoy) với (1) sản lượng tiêu thụ xe máy 562,938 xe (-1.1% yoy) và (2) sản lượng tiêu thụ ô tô đạt 8,867 xe (+143.5% yoy) trong đó nâng thị phần ô tô từ 6.1% cùng kỳ lên 11.9% quý 1/2019. •Toyota: LNST đạt 1,044 tỷ đồng (+37.9% yoy) với sản lượng tiêu thụ đạt 18,967 xe (+51% yoy) nâng thị phần từ 21.3% lên 25.9% so với cùng kỳ. •Ford: Sản lượng tiêu thụ đạt 7,501 xe (+39% yoy).

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express VEA 2019Q2

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 18/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 18/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.99	-0.10%	2.74%	6.65%	-15.57%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.25	-6.93%	2.96%	8.63%	-18.74%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-4.67%	5.07%	0.43%	-16.63%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1502.09	0.22%	1.05%	0.41%	25.34%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.02	0.90%	0.02%	6.85%	27.57%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	892.57	-0.64%	3.95%	4.59%	9.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	481.50	-1.48%	-0.62%	3.44%	-5.68%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.29	-0.27%	0.49%	3.80%	13.39%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.00	4.34%	3.97%	0.29%	17.37%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.97	-1.08%	0.55%	-4.62%	3.99%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.18	0.00%	-5.36%	15.64%	-10.67%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	96.55	-4.22%	-1.53%	6.25%	5.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.61	-0.48%	-0.03%	0.49%	-3.77%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3823.00	0.08%	1.54%	0.87%	-15.81%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1793.00	-0.94%	-0.33%	-0.06%	-11.89%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.50	2.66%	6.04%	3.76%	40.88%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.07	-1.15%	2.36%	3.53%	-36.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 4.47 USD/thùng hay 6.5% xuống 64.55 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 3.56 USD hay 5.7% xuống 59.34 USD/thùng.
- Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia cho biết vương quốc này đã nối lại các nguồn cung cấp bằng cách khai thác kho dự trữ và khôi phục sản lượng bị mất 5.7 triệu thùng/ngày vào cuối tháng 9 này. Công ty dầu nhà nước Saudi Aramco đã trả lời một số nhà máy lọc dầu Châu Á rằng họ sẽ đáp ứng những cam kết dầu mỏ mặc dù có những thay đổi.
- Triển vọng giải phóng trữ lượng dầu chiến lược ở Mỹ và các nước công nghiệp hóa khác như Nhật Bản, đã gây sức ép lên giá cả, nhưng mối đe dọa địa chính trị trả đũa đang gây lo ngại. Phó Tổng thống Mỹ cho biết nước này đang xem xét bằng chứng cho thấy Iran đứng sau các cuộc tấn công này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,505.07 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 0.1% lên 1,513.4 USD/ounce. Giá vàng tăng trong phiên do kỳ vọng Ngân hàng trung ương Mỹ sẽ cắt giảm lãi suất, nhưng giao dịch không biến động nhiều bởi các nhà đầu tư chờ đợi cuộc họp chính sách tiền tệ kéo dài 2 ngày của Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) để có manh mối rõ ràng. Đây sẽ là lần thứ hai Ngân hàng trung ương Mỹ cắt giảm lãi suất sau khi đã cắt giảm trong tháng 7, lần đầu tiên kể từ khủng hoảng tài chính. Quyết định từ Fed có thể gây áp lực cho Ngân hàng trung ương Nhật Bản nới lỏng chính sách trong cuộc họp vào ngày 19/9 tới.

Giá thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1.8% xuống 666 CNY/tấn. Giá thép cây trên sàn Thượng Hải giảm 0.6% xuống 3,533 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng trên sàn Thượng Hải giảm 0.8% xuống 3,529 CNY/tấn. Giá thép kỳ hạn của Trung Quốc giảm trong phiên qua từ mức cao 1.5 tháng đã đạt được trong phiên trước đó, do dự trữ của các sản phẩm thép ở mức cao và lo ngại về nhu cầu từ thị trường bất động sản. Giá nhà tháng 8 của Trung Quốc tăng với tốc độ chậm nhất trong gần 1 năm, gây lo lắng rằng thị trường bất động sản vẫn có thể tiếp tục sụt giảm trong bối cảnh nền kinh tế đang chậm lại tại quốc gia này.

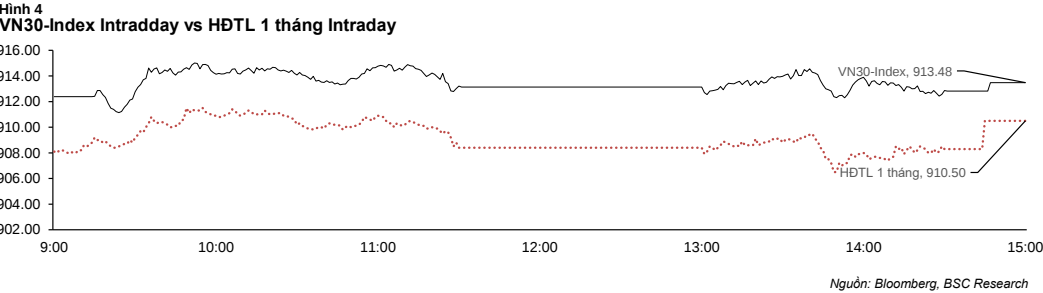
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.15 US cent hay 1.3% xuống 10.94 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 0.4 USD hay 0.12% xuống 320.8 USD/tấn. Dầu rẻ hơn có thể khiến giá ethanol giảm và khuyến khích sản xuất đường hơn là nhiên liệu sinh học này.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 2/2020 đóng cửa tăng 2.4 JPY hay 1.4% lên 173 JPY (1.6 USD)/kg. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng lên mức cao nhất trong gần 1 tháng dựa trên suy đoán rằng giá dầu tăng sau vụ tấn công vào các cơ sở dầu mỏ của Saudi Arabia sẽ thúc đẩy giá cao su tổng hợp. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng hơn 10 CNY lên 12,060 CNY (1,701 USD)/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	910.50	0.28%	-2.98	4.5%	51253	9/19/2019	3
VN30F1910	908.00	0.17%	-5.48	100.8%	12577	10/17/2019	31
VN30F1912	907.00	0.13%	-6.48	51.1%	269	12/19/2019	94
VN30F2003	907.70	0.14%	-5.78	269.2%	491	3/19/2020	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 1.10 điểm lên mức 913.48 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MSN, VNM, HPG, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 tăng nhẹ vào đầu phiên, giằng co quanh ngưỡng 914 điểm, thu hẹp biên độ tăng vào phiên chiều. Thanh khoản phục hồi trở lại và các chỉ báo động lượng đang cho thấy dư địa tăng vẫn còn, hỗ trợ đà tăng ngắn hạn với kỳ vọng kiểm tra lại ngưỡng 915 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1909 các hợp đồng khác đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng giá trong trung hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CHPG1904	SSI	9/30/2019	12	1:1	90,000	95.1%	1.0 triệu	28.89%	2,200	740	21.31%	449.82
CMBB1902	HSC	12/17/2019	90	1:1	236,130	117.7%	1.0 triệu	23.22%	3,200	3,500	6.06%	1,035.46
CMSN1901	KIS	11/14/2019	57	5:1	85,710	15.4%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,760	6.02%	143.02
CREE1901	MBS	11/19/2019	62	3:1	249,020	62.5%	3.0 triệu	21.67%	1,260	1,770	4.12%	433.90
CHPG1905	SSI	12/30/2019	103	1:1	5,500	-46.8%	1.0 triệu	28.89%	3,300	3,600	2.86%	1,506.70
CHPG1906	KIS	11/14/2019	57	2:1	27,600	368.6%	5.0 triệu	28.89%	1,500	880	2.33%	27.42
CFPT1904	MBS	11/19/2019	62	3:1	162,630	-35.9%	3.0 triệu	19.23%	1,700	2,830	0.00%	1,698.60
CHPG1902	KIS	12/11/2019	84	5:1	35,930	65.2%	3.0 triệu	28.89%	1,000	440	0.00%	-
CMWG1904	SSI	9/28/2019	103	1:1	40,890	2.4%	1.0 triệu	19.98%	14,000	37,500	-1.57%	33,202.44
CMWG1903	HSC	12/30/2019	103	5:1	175,570	98.4%	2.0 triệu	19.98%	2,700	6,320	-2.77%	5,657.88
CFPT1903	SSI	12/30/2019	103	1:1	101,280	3.8%	2.0 triệu	19.23%	6,000	13,900	-4.14%	11,043.27
CFPT1902	SSI	9/30/2019	12	1:1	43,570	-30.3%	1.0 triệu	19.23%	3,800	12,000	-4.38%	10,471.78
CMWG1902	VND	12/11/2019	84	4:1	34,080	435.8%	2.4 triệu	19.98%	2,990	9,030	-4.44%	8,244.86
CVIC1901	KIS	11/14/2019	57	5:1	109,800	92.1%	2.0 triệu	23.06%	1,960	1,940	-5.83%	72.97
CVRE1901	KIS	11/14/2019	57	2:1	290,980	-13.5%	2.5 triệu	28.92%	1,900	1,090	-6.03%	52.80
CVNM1901	KIS	12/13/2019	86	10:1	141,200	-3.1%	5.0 triệu	20.46%	1,200	610	-6.15%	3.73

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CHPG1904, CMBB1902 và CMSN1901 tăng mạnh lần lượt là 21.31%, 6.06% và 6.02%. Thanh khoản thị trường tăng 20.55%. CVRE1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 16% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MBB có phiên tăng giá kiểm tra ngưỡng 22. Thanh khoản tiếp tục tăng tích cực trên mức trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.10	2.43	1.20
MSN	80.90	1.76	0.91
VNM	123.70	0.98	0.85
HPG	23.00	1.32	0.69
MBB	21.85	1.28	0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	56.4	-2.08	-0.91
MWG	122.0	-1.13	-0.56
GAS	104.0	-2.71	-0.39
EIB	16.5	-1.50	-0.36
VIC	122.2	-0.49	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1904	98,800	23,100	23,000
CMBB1902	26,300	21,800	21,850
CMSN1901	98,488	88,888	80,900
CREE1901	41,330	37,550	37,200
CHPG1905	93,300	23,100	23,000
CHPG1906	31,088	28,088	23,000
CFPT1904	57,100	52,000	56,400
CHPG1902	166,285	41,999	23,000
CMWG1904	165,000	90,000	122,000
CMWG1903	25,800	95,000	122,000
CFPT1903	56,154	45,140	56,400
CFPT1902	96,981	45,140	56,400
CMWG1902	48,130	90,000	122,000
CVIC1901	150,688	140,888	122,200
CVRE1901	44,688	40,888	33,950
CVNM1901	46,340	156,285	123,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.0	-1.1%	0.7	2,348	4.5	7,893	15.5	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.4	0.5%	1.0	797	2.2	4,727	17.4	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	73.7	0.5%	1.3	2,246	0.3	1,505	49.0	3.4	25.5%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.0	-0.6%	0.7	332	0.3	3,061	10.8	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.2	-0.5%	1.1	17,777	1.0	1,643	74.4	5.0	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.7%	1.1	3,438	3.6	1,033	32.9	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.5	-0.8%	0.8	2,569	0.8	3,579	17.7	2.9	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	37.2	1.4%	1.0	501	1.8	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.2	0.0%	1.4	391	2.6	3,744	4.6	1.1	46.1%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.6	-0.2%	1.3	477	1.9	1,997	10.8	1.2	57.6%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.1	-1.0%	1.0	237	0.0	5,067	6.5	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.3	-1.3%	1.4	310	1.8	1,434	16.2	1.7	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.4	-2.1%	0.8	1,663	6.4	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.5	-1.1%	0.4	492	0.0	4,156	10.9	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.0	-2.7%	1.5	8,654	3.1	6,066	17.1	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.3	-1.9%	1.5	3,174	1.1	3,350	18.3	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.4	-1.4%	1.7	424	1.7	2,397	8.5	0.7	23.1%	10.0%
BSR	Dầu khí	10.1	9.8%	0.8	1,362	3.2	1,163	8.7	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.0	-0.2%	0.5	517	0.0	4,616	19.7	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.2	1.5%	0.7	225	0.2	853	15.5	0.7	19.3%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.4	0.1%	0.6	194	0.2	897	9.4	0.7	2.4%	7.3%
VCB	Ngân hàng	80.6	-0.6%	1.3	12,997	2.9	4,729	17.0	3.9	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.2	0.4%	1.5	6,117	2.9	2,091	19.7	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.8	0.2%	1.6	3,367	4.5	1,470	14.2	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.1	2.4%	1.2	2,254	3.6	2,989	7.1	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	21.9	1.3%	1.1	2,168	6.4	3,215	6.8	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.4%	1.1	1,579	1.5	4,469	5.0	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.3	3.9%	0.9	190	0.9	5,017	10.6	1.8	77.6%	17.1%
NTP	Nhựa	39.3	4.5%	0.3	152	0.1	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.8	-1.6%	1.2	735	0.2	732	25.7	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	1.3%	1.0	2,761	6.1	2,760	8.3	1.4	37.9%	19.9%
HSG	Thép	6.5	0.2%	1.5	120	0.4	425	15.3	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.7	1.0%	0.7	9,366	5.2	5,465	22.6	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	265.3	-0.2%	0.8	7,397	0.1	6,735	39.4	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	80.9	1.8%	1.2	4,112	3.2	3,304	24.5	3.0	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-0.6%	0.5	409	0.9	542	33.0	1.6	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	77.0	1.2%	0.8	7,288	0.3	2,630	29.3	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	139.7	-0.4%	1.1	3,182	2.7	9,850	14.2	5.4	19.2%	43.3%
HVN	Vận tải	33.5	1.5%	1.7	2,066	0.6	1,747	19.2	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.4	0.9%	0.8	353	0.8	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.7	-1.1%	0.6	217	0.6	2,435	7.3	1.2	30.4%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	92.2	-1.7%	0.9	629	1.5	7,667	12.0	4.7	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.8	-0.8%	0.8	386	0.4	1,327	14.9	1.4	13.3%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.6%	0.8	259	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.1	0.1%	0.7	322	0.1	13,535	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.2	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.7	0.0%	0.5	223	0.2	387	53.4	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.7	1.6%	0.6	1,293	0.4	820	15.5	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	24.6	0.0%	0.6	308	0.1	2,241	11.0	1.7	21.6%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.70	0.98	0.62	972940.00
MSN	80.90	1.76	0.48	906280.00
VPB	21.10	2.43	0.36	3.96MLN
HPG	23.00	1.32	0.25	6.15MLN
HVN	33.50	1.52	0.21	401290.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.40	0.45	0.17	1.54MLN
NTP	39.30	4.52	0.05	75900.00
SLS	43.60	8.73	0.02	21400.00
HUT	2.30	4.55	0.02	243400.00
CTX	15.50	6.16	0.02	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	104.00	-2.71	-1.64	691660.00
VIC	122.20	-0.49	-0.59	181830.00
VCB	80.60	-0.62	-0.55	809820.00
PLX	61.30	-1.92	-0.46	405970.00
FPT	56.40	-2.08	-0.24	2.59MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	20.40	-1.45	-0.08	1.95MLN
VCS	92.20	-1.71	-0.05	369000.00
NVB	7.50	-1.32	-0.04	251800.00
API	13.30	-8.90	-0.02	100.00
KLF	1.10	-8.33	-0.02	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	64.30	6.99	0.04	33120.00
SAV	8.99	6.90	0.00	11710.00
PHC	13.25	6.85	0.01	482630.00
HTL	18.15	6.76	0.00	9690.00
IDI	6.76	6.62	0.03	1.34MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	1.10	10.0	0.00	340300.00
STC	14.30	10.0	0.00	100.00
VTL	21.10	9.9	0.00	1100.00
ALT	13.40	9.8	0.00	100.00
VSA	20.40	9.7	0.01	5500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHP	22.10	-7.72	-0.05	60.00
HSL	8.64	-7.00	0.00	519960.00
FTM	4.27	-6.97	-0.01	43800.00
TLD	5.23	-6.94	0.00	154600.00
TCO	8.11	-6.89	0.00	10.00

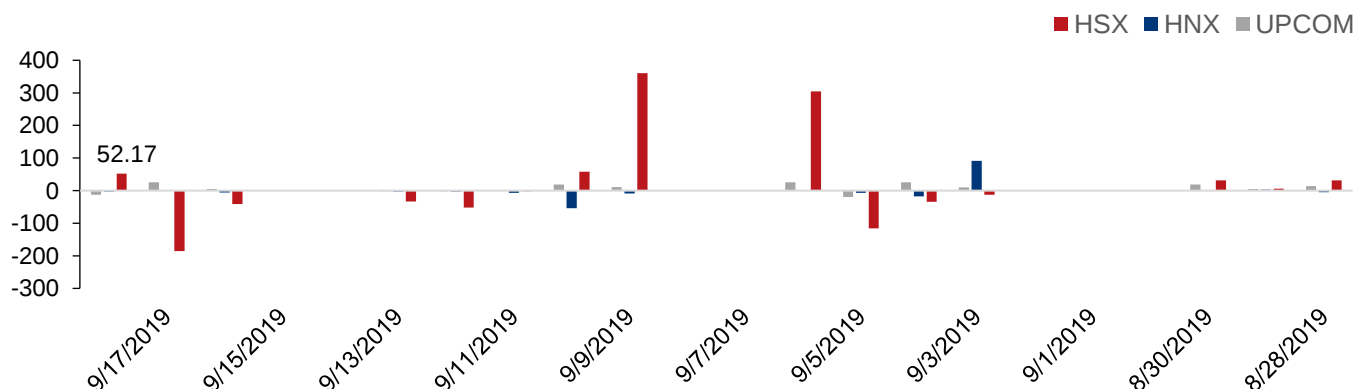
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	3700.00
NHP	0.50	-16.67	0.00	99900.00
DAD	20.40	-9.73	0.00	1000.00
PIC	10.20	-9.73	-0.01	2300.00
PCG	12.20	-9.63	-0.01	18800.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
8	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
9	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
14	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	80.6	4,729	17.0	3.9	Click
2	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.7	1,295	18.3	1.8	Click
3	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	21.9	3,215	6.8	1.4	Click
4	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	52.5	2,801	18.7	3.1	Click
5	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.4	1,888	14.5	1.3	Click
6	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.0	3,705	7.6	2.0	Click
7	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.4	4,349	13.0	2.9	Click
8	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
9	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.0	7,893	15.5	5.2	Click
10	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.4	4,727	17.4	4.5	Click
11	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.3	5,276	10.3	2.9	Click
12	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.3	4,234	6.7	1.0	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.4	4,469	5.0	1.2	Click
14	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.1	3,873	4.4	1.2	Click
15	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.5	425	15.3	0.5	Click
16	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	47.0	4,961	9.5	2.8	Click
17	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.9	3,304	24.5	3.0	Click
18	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	166.7	7,716	21.6	11.2	Click
19	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.4	1,888	14.5	1.3	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	122.0	7,893	15.5	5.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sửa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sửa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

